TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 37 /2023/DS-ST
Ngày 11 /7/2023.
"*V/v:* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản *".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyến
- Hội thẩm nhân dân:
[1] Bà Lê Thị Thận;
[2] Ông Trần Đức Hòa;
- Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/TLST-DS , ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa ra xét xử số 45 /2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Bà Thái T T; sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn 1, xã N , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
anh Trần Hồng Hà; sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: Khu Tân Hưng, TT. Đ P , huyện B Đ , tỉnh Bình Phước
-Bị đơn: anh Phạm Văn L; sinh năm 1982 (vắng mặt)
chị Nguyễn T T A; sinh năm 1988 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã N , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày: Vào ngày 25/12/2021 bà Thái T T có cho vợ chồng ông Phạm Văn L và bà Nguyễn T T A vay số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), việc vay mượn có viết giấy tay, thời hạn vay 15 ngày trả.

Sau đó vợ chồng ông Lâm và bà An có trả 02 lần với số tiền là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Số tiền còn lại bị đơn không trả là vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên.

Vì vậy bà Thái T T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Phạm Văn L và bà Nguyễn T T A phải trả cho bà Thái T T số tiền gốc đã vay là 390.000.000 đồng và

Lãi suất quá hạn theo pháp luật tính đến ngày xét xử, (1,5% x 390.000.000 đồng x 10 tháng (tạm tính từ ngày 11/01/2022 đến ngày 11/11/2022 = 58.500.000 đồng).Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu mức lãi suất, đề nghị Tòa án tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Phạm Văn L, chị Nguyễn T T A, mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy theo giấy vay tiền 25/12/2021 mà nguyên đơn cung cấp thì bà Thái T T cho anh Phạm Văn L và chị Nguyễn T T A vay số tiền 500.000.000 đồng , việc vay mượn có viết giấy tay, các bên ký nhận, thời hạn vay 15 ngày .

Sau đó vợ chồng anh Lâm có trả 02 lần với tổng số tiền là 110.000.000 đồng, số tiền còn lại 390.000.000 đồng chưa trả. Bị đơn anh Phạm Văn L, chị Nguyễn T T A, mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Như vậy nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy cần buộc bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền đã vay còn lại 390.000.000đ.

Về tiền lãi : Theo giấy vay tiền mà các bên đã ký kết không thể hiện tiền lãi, như vậy xác định khi vay không thỏa thuận về lãi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng thời gian và số tiền chậm trả là phù hợp, nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 11/01/2022 đến nay 11/7/2023 là 18 tháng, mức lãi 0,83%/1 tháng và tính như sau:

390.000.000 đồng x 0,83%/1 tháng x 18 tháng = 58.266.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi 448.266.000đ, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn liên đới nộp án phí theo luật định, tổng số tiền có nghĩa vụ phải trả 448.266.000đ nên số tiền án phí là 21.930.640đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.170.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000742 ngày 09/11/2022.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Phạm Văn L và chị Nguyễn T T A liên đới trả cho nguyên đơn bà Thái T T số tiền gốc 390.000.000đ, tiền lãi 58.266.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 448.266.000đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn anh Phạm Văn L và chị Nguyễn T T A liên đới nộp tiền án phí DSST là 21.930.640đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơ n bà Thái T T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.170.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000742 ngày 09/11/2022.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến